

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 04-4-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Anh Thư**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly.

2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Kiệt**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Lộc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 628/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1997 (Có mặt).

Cư trú: Số 22/10, tổ 06, khóm T, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn N**, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú: Số 523, ấp T1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Huỳnh Thị Miên Nh (Huỳnh Thị Nh)**, sinh năm 1966 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cư trú: Số 523, ấp T1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bà **Đặng Thị Kim Y**, sinh năm 1973 (Có mặt).

Cư trú: Số 22/10, tổ 06, khóm T, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Chị và anh Bùi Văn N chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân do tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Anh, chị sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình nên thường hay cãi nhau, chị và anh N không còn chung sống từ tháng 8.2017 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung: Chị D trình bày, chị và anh N có 10 (mười) chỉ vàng 24kara, loại 9999, (trong đó mẹ chồng là bà Huỳnh Thị Miên Nh mượn 07 (bảy) chỉ vàng 24kara, loại 9999, chồng đang giữ 03 (ba) chỉ vàng 24kara, loại 9999). Khi ly hôn chị yêu cầu bà Huỳnh Thị Miên Nh trả lại 07 (bảy) chỉ vàng 24kara, loại 9999 cho vợ chồng. Chị D yêu cầu được chia đôi số vàng trên, phần chị được nhận là 05 chỉ vàng 24kara, loại 9999.

Về quan hệ nợ chung: Chị D trình bày, vợ chồng có nợ mẹ ruột (bà Đặng Thị Kim Y) 05 (năm) chỉ vàng 24kara, loại 9999. Khi ly hôn chị yêu cầu anh N cùng trả số nợ này.

Tại phiên hòa giải ngày 07/3/2018 chị D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung và nợ chung là không có. Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Bùi Văn N trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời gian không còn chung sống. Nay đối với yêu cầu ly hôn của chị D, anh đồng ý.

Về quan hệ con chung: Không có.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim Y trình bày: Khi D, N còn chung sống với nhau có vay của bà 05 (năm) chỉ vàng 24kara, loại 9999. Nhưng khi D nộp đơn xin ly hôn với N thì D, N đã trả xong số vàng này. Do D, N đã trả xong số vàng nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Miên Nh (Huỳnh Thị Nh trình bày: Do D rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung và không yêu cầu

bà trả số vàng 07 (bảy) chỉ vàng 24kara, loại 9999 nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Bùi Văn N cưới nhau năm 2015, không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Anh chị sống được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị D trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau nên vợ chồng ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn đối với anh N. Anh N đồng ý ly hôn với chị D. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh N đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. chị D xin ly hôn, anh N đồng ý ly hôn do chị D và anh N không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị D và anh N là vợ chồng.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Chị D rút lại phần chia 10 chỉ vàng 24k, nên đình chỉ phần này.

- Về nợ chung: Chị D rút lại vợ chồng không có thiếu nợ chung 05 chỉ vàng 24k, nên đình chỉ phần này.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Chị Nguyễn Thị Thùy D xin ly hôn với anh Bùi Văn N, anh N có nơi cư trú ấp T1, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Anh Bùi Văn N, bà Huỳnh Thị Miên Nh (Huỳnh Thị Nh) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, bà Nh là có căn cứ.

[3] Ngày 07/3/2018, chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện. Về phần tài sản chung của anh, chị: Không có. Về nợ chung: Không có. Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn giữ yêu cầu này. Xét thấy, việc thay đổi rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về pháp luật nội dung: [4] Chị Nguyễn Thị Thùy D xin ly hôn với anh Bùi Văn N, chị D và anh N hai người chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng, phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: Không có.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[7] Về quan hệ nợ chung: Không có.

[8] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim Y, do chị D, anh N đã trả số vàng vay 05 (năm) chỉ vàng 24kara, loại 9999 cho bà xong nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án và đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Miên Nh (Huỳnh Thị Nh) do chị D thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện về phân tài sản chung và bà Nh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D đối với anh Bùi Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Bùi Văn N là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Không có.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Bùi Văn N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh

chị trong thời kỳ sống chung thì chị D và anh N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D đối với phần tài sản chung là 05 (năm) chỉ vàng 24kara, loại 9999.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 675.000 (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai số 0018841 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 24/11/ 2017. Chị D được nhận lại số tiền 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

